

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HN-ST

Ngày: 11-6-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sầm
2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: 460 ấp P, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp M, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị H có mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/3/2024 và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Đoàn Văn Đ. Lý do: Chị và anh Đoàn Văn Đ do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2008. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng không có tiếng nói chung về tính tình, về cách nuôi dạy con và chỉ tiêu trong gia đình nên không thể hoà hợp. Đã không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Hoàng Đại P, sinh ngày 18/4/2009. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đoàn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Đoàn Văn Đ có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2024:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Xuân H cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình chị H, lúc đầu có hạnh phúc. Từ năm 2021, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Anh về sống cùng mẹ tại ấp Mỹ Đức, xã Hương Mỹ. Nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Hoàng Đại P, sinh ngày 18/4/2009. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; Con chung: Đoàn Hoàng Đại P, sinh ngày 18/4/2009. Khi ly hôn, chị H được trực tiếp nuôi con, ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung chị H trình bày tự thỏa thuận, anh Đ trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết. Về nợ chung: Chị H và anh Đ cùng trình bày không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Xuân H là nguyên đơn, anh Đoàn Văn Đ là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Đoàn Văn Đ tại phiên tòa có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H, thấy rằng:
Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của anh Đ và chị H có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Tại địa phương, anh Đ sống chung với cha mẹ. Gia đình có kinh tế ổn định, anh Đ đi làm thuê, có thu nhập phổ thông, ý thức chấp hành pháp luật tốt. Các cuộc họp tại địa phương không nhận được đơn yêu cầu hòa giải nên không rõ mâu thuẫn vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bất đồng quan điểm, đã không còn sống chung một thời gian dài nhưng không tìm được hướng hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị H kiên quyết ly hôn, anh Đ cũng đồng ý nhưng không đến Toà. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Hoàng Đại P, sinh ngày 18/4/2009. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Xuân H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Đoàn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng, từ nhỏ đến nay, con sống chung với chị H, đã quen cuộc sống bên mẹ, được mẹ trực tiếp chăm sóc. Con cũng có nguyện vọng ở chung với mẹ. Anh Đ cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con. Do đó, để chị H trực tiếp nuôi con khi ly hôn là phù hợp. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày tự thỏa thuận, anh Đoàn Văn Đ trình bày không có, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Đoàn Văn Đ cùng trình bày không có, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với anh Đoàn Văn Đ.

2. Về con chung: Đoàn Hoàng Đại P, sinh ngày 18/4/2009. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Xuân H được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Xuân H không yêu cầu anh Đoàn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày tự thỏa thuận, anh Đoàn Văn Đ trình bày không có, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Đoàn Văn Đ cùng trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005321 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng